

Bản án số: **24/2017/HSST**

Ngày: **25/7/2017**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử Sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đông**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Hữu Lý**

Ông **Mai Thu**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Vi Nhật Hoàng**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Nam Hải** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 07/2017/HSST ngày 21/02/2017 đối với bị cáo:

Từ Văn T, sinh năm 1976; Nơi ĐKNKTT: Số 3 đường H, phường P, thành phố G, tỉnh Khánh Hòa; Chỗ ở : Số 15 Gò Đ, Thôn T, xã V, thành phố G, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở hiện nay đang tạm trú tại tổ 7 thôn C, xã VT, thành phố G; Quốc tịch: Việt Nam, Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: phụ bếp; trình độ văn hóa: 07/12; con ông Từ Thiện H (sinh năm 1938) và bà Trần Thị V (sinh năm 1946); chồng: Trần Văn V, có 02 con (lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2011); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 28/6/2017 (theo lệnh bắt của Tòa án); có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

1. Bà **Nguyễn Thị D**; sinh năm 1961.

Trú tại: Số 93A đường N, phường H, thành phố G, tỉnh Khánh Hòa; có mặt

2. Bà **Lê Thị Tr**; sinh năm 1956.

Trú tại: Số 2/5 đường L, phường P, thành phố G, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

3. Ông **Nguyễn Hồng L**; sinh năm 1956;

Trú tại: Số 28/1 đường T, phường PL, thành phố G, tỉnh Khánh Hòa; Vắng mặt.

4. Ông **Hoàng Văn Th**; sinh năm 1956.

Trú tại: Tổ 7, thị trấn K, huyện K, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

5. Ông **Nông Lương S**; sinh năm 1959.

Trú tại: Thôn D, xã N1, huyện K, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

6. Anh **Cao Minh T**; sinh năm 1989;

Trú tại: Số 29 đường TT, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

7. Anh **Nguyễn Thiện T**; sinh năm 1979; Vắng mặt

Trú tại: 199 đường số 2, khóm Q, phường PT, thành phố G, tỉnh Khánh Hòa.

8. Bà **Lê Thị D**; sinh năm 1970.

Trú tại: Số 40 đường PC, thành phố G, tỉnh Khánh Hòa.

Bà Lê Thị D ủy quyền cho bà **Lê Thị H**, sinh năm 1988; Trú tại: Số 41 Tổ 15 đường X, thành phố G, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

9. Ông **Nguyễn Qu**; sinh năm 1958;

Trú tại: Số 15/5 đường B, phường V, thành phố G, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt

10. Bà **Trần Thị N**; sinh năm 1971.

Trú tại: Số 21 đường Tr, phường T1, thành phố G, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

11. Ông **Trần L**; sinh năm 1981.

Trú tại: Số 46 đường A, phường VH, thành phố G, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

12. Ông **Nguyễn Đức M**; sinh năm 1987;

Trú tại: Số 71A Cồn G1, phường X1, thành phố G, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

13. Ông **Nguyễn Tấn L**; sinh năm 1984.

Trú tại: Tổ 5 thôn E, xã V, thành phố G, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

14. Chị **Nguyễn Ngọc T**; sinh năm 1984.

Trú tại: Tổ 29 thôn PN, xã Đ, huyện I, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

15. Ông **Nguyễn Q1**; sinh năm 1958;

Trú tại: Thôn 4 xã G, huyện I, Khánh Hòa, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Q1: ông **Phan Tấn H**, luật sư văn phòng luật sư Phan Tấn H, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

***Những người làm chứng:**

Anh Trần Văn V - SN 1971; anh Nguyễn Phước H - SN 1973; bà Nguyễn Thị N - SN 1960, bà Đinh Thị H -SN 1967, ông Lương Công S -SN 1955, chị Kiều Nữ Lương C- SN 1983 tất cả người làm chứng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2013 đến năm 2015, do nợ tiền nhiều người và không có tiền để tiêu xài cá nhân nên Từ Văn T nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của nhiều người bằng các thủ đoạn gian dối như sau: T nói dối là T có khả năng xin việc làm cho người khác vào làm việc Công ty Yến sào Khánh Hòa; Chuyển bảo hiểm y tế;

Chuyển bảo hiểm xã hội; Chạy bằng đại học; Vay tiền ngân hàng, để yêu cầu những người bị hại đưa một khoản tiền và hồ sơ xin việc cho T. Để tạo lòng tin T viết giấy nhận tiền “nếu không xin được việc sẽ trả lại tiền” người bị hại tin tưởng giao tiền cho T; từ đó Từ Vân T đã chiếm đoạt của 15 người với số tiền **1.821.708.000** đồng. Cụ thể như sau:

Vụ 1: Tháng 5/2013, bị cáo lừa chiếm đoạt tiền của bà Nguyễn Thị D số tiền 55.000.000 đồng (trong đó: Ngày 27/5/2013 bị cáo T nhận 20.000.000 đồng; từ ngày 24/7/2013 đến 22/5/2014 với lý do cần tiền để xin việc bị cáo đã nhiều lần gặp yêu cầu bà D đưa vào nhận tiếp 35.000.000 đồng) dưới hình thức xin việc làm cho Nguyễn Triệu V (con của bà Nguyễn Thị D) tại Công ty Yến sào Khánh Hòa.

Vụ 2: Thông qua giới thiệu của bà Nguyễn Thị D, bị cáo chiếm đoạt của bà Lê Thị Tr số tiền 87.000.000 đồng (trong đó tháng 5/2013 bị cáo T nhận 13.000.000 đồng; tháng 10/2013 nhận 20.000.000 đồng; tháng 12/2013 đến tháng 01/2014 nhận 20.000.000 đồng; tháng 5/2014 nhận 34.000.000 đồng) dưới hình thức xin việc làm cho Đinh Trung N và Đinh Thị Trung P (con của bà Lê Thị Tr) tại Công ty Yến sào Khánh Hòa.

Vụ 3: Tháng 10/2013, bị cáo lừa đảo để chiếm đoạt của ông Nguyễn Hồng L số tiền 30.000.000 đồng (nhận vào ngày 06/10/2013) dưới hình thức xin việc làm cho Ngô Thị Tường V (cháu của ông Nguyễn Hồng L) tại Công ty Yến sào Khánh Hòa.

Vụ 4: Tháng 10/2013, bị cáo lừa đảo để chiếm đoạt ông Hoàng Văn Th số tiền 37.000.000 đồng (trong đó ngày 15/8/2013 bị cáo T nhận 10.000.000 đồng; ngày 30/8/2013 nhận 17.000.000 đồng; ngày 22/9/2013 nhận 5.000.000 đồng; ngày 01/10/2013 nhận 5.000.000 đồng) dưới hình thức xin việc làm cho Hoàng Văn T1 (con của ông Th) tại Công ty Yến sào Khánh Hòa.

Vụ 5: Tháng 10/2013, bị cáo lừa đảo để chiếm đoạt ông Nông Lương S số tiền 45.000.000 đồng (trong đó ngày 28/9/2013 bị cáo T nhận 15.000.000 đồng; ngày 18/10/2013 nhận 15.000.000 đồng; ngày 04/12/2013 nhận 15.000.000 đồng) dưới hình thức xin việc làm cho Nông Lương D (con của ông S) tại Công ty Yến sào Khánh Hòa.

Vụ 6: Tháng 10/2013, bị cáo lừa đảo để chiếm đoạt anh Cao Minh T số tiền 60.000.000 đồng (trong đó: ngày 25/10/2013 bị cáo T nhận 10.000.000 đồng; ngày 15/11/2013 nhận 10.000.000 đồng; ngày 25/11/2013 nhận 40.000.000 đồng) dưới hình thức xin việc làm cho anh Cao Minh T tại Công ty Yến sào Khánh Hòa.

Vụ 7: Tháng 4/2014, bị cáo lừa đảo anh Nguyễn Thiện T để chiếm đoạt số tiền 60.000.000 đồng (trong đó ngày 24/4/2014 bị cáo T nhận 40.000.000 đồng; tháng

5/2014 nhận 20.000.000 đồng) dưới hình thức xin việc làm cho anh Nguyễn Thiện T tại Công ty Yến sào Khánh Hòa.

Vụ 8: Tháng 6/2014, bị cáo lừa đảo để chiếm đoạt tiền của bà Lê Thị D số tiền 90.000.000 đồng (trong đó ngày 16/6/2014 bị cáo T nhận 15.000.000 đồng; ngày 22/6/2014 nhận 15.000.000 đồng; ngày 01/7/2014 nhận 20.000.000 đồng; ngày 07/7/2014 nhận 40.000.000 đồng) dưới hình thức xin việc làm cho chị Lê Thị H và Hà Thị Phương Th (hai cháu của bà D) tại Công ty Yến sào Khánh Hòa.

Vụ 9: Tháng 07/2014, bị cáo lừa đảo để chiếm đoạt tiền của ông Nguyễn Q số tiền 43.000.000 đồng (trong đó: ngày 22/7/2014, bị cáo T nhận 40.000.000 đồng; ngày 23/7/2014 nhận 3.000.000 đồng) dưới hình thức xin việc làm cho anh Nguyễn Lê Minh A (con của ông Q) tại Công ty Yến sào Khánh Hòa.

Vụ 10: Tháng 07/2014, bị cáo lừa đảo để chiếm đoạt tiền của bà Trần Thị N số tiền 20.000.000 đồng (trong đó: ngày 27/7/2014, bị cáo T nhận 16.000.000 đồng; ngày 05/8/2014 nhận 4.000.000 đồng) dưới hình thức xin việc làm cho chị Lê Thị Mỹ D (con của bà N) tại Công ty Yến sào Khánh Hòa.

Vụ 11: Tháng 07/2014, bị cáo lừa đảo để chiếm đoạt tiền của ông Trần L số tiền 50.000.000 đồng (trong đó: đầu tháng 7/2014, bị cáo T nhận 10.000.000 đồng; ngày 25/7/2014 nhận 40.000.000 đồng) dưới hình thức xin việc làm cho anh Trần Cao Th (em trai ông L) tại Công ty Yến sào Khánh Hòa.

Vụ 12: Tháng 07/2014, bị cáo lừa đảo để chiếm đoạt tiền của ông Nguyễn Đức M số tiền 50.000.000 đồng (trong đó: ngày 30/7/2014, bị cáo T nhận 40.000.000 đồng; ngày 02/8/2014 nhận 10.000.000 đồng) dưới hình thức xin việc làm cho ông Nguyễn Đức M tại Công ty Yến sào Khánh Hòa.

Vụ 13: Tháng 07/2014, bị cáo lừa đảo để chiếm đoạt tiền của anh Nguyễn Tấn L số tiền 33.000.000 đồng (trong đó: ngày 18/7/2014, bị cáo T nhận 20.000.000 đồng; ngày 23/7/2014 nhận 10.000.000 đồng; ngày 17/8/2014 nhận 3.000.000 đồng) dưới hình thức xin việc làm cho anh Nguyễn Tấn L tại Công ty Yến sào Khánh Hòa.

Vụ 14: Tháng 10/2014, bị cáo lừa đảo để chiếm đoạt tiền của chị Nguyễn Ngọc T số tiền 42.000.000 đồng (tháng 8/2014 bị cáo T nhận 42.000.000 đồng) dưới hình thức xin việc làm cho chị Nguyễn Thy T2 (em gái chị T) tại Công ty Yến sào Khánh Hòa.

Vụ 15: Từ cuối tháng 5 năm 2014, bị cáo lừa đảo để chiếm đoạt tiền của ông Nguyễn Q1 số tiền 1.119.708.000 đồng (trong đó: từ tháng 3/2015 đến tháng 10/2015, bị cáo T nhận nhiều lần tổng cộng số tiền 1.119.708.000 đồng) dưới hình thức xin việc làm cho chị Nguyễn Thị Thanh V và chị Lê Thị Huỳnh N (con gái và con dâu

của ông Q1) tại Công ty Yến sào Khánh Hòa; chuyển bảo hiểm y tế, chuyển bảo hiểm xã hội cho chị Lê Thị Huỳnh N; chạy bằng cấp từ Cao đẳng lên Đại học cho chị Nguyễn Thị Thanh V và tiền để bị cáo lo thủ tục vay hộ tiền ở hai ngân hàng (Ngân hàng Sacombank và Ngân hàng An Khang thịnh vượng nay là NH Việt Nam Thịnh Vượng).

Sau khi nhận được tiền và hồ sơ xin việc làm của họ, Từ Vân T không nộp hồ sơ xin việc làm cho Công ty Yến Sào Khánh Hòa, quá thời hạn T hứa hẹn vẫn chưa được đi làm nên các bị hại đã nhiều lần tìm T để đòi lại tiền, thì Từ Vân T mới khắc phục trả cho bà: Nguyễn Thị D 5.000.000 đồng, bà Lê Thị Tr 11.000.000 đồng, ông Nông Lương S 25.000.000 đồng, ông Cao Minh T 5.000.000 đồng, ông Nguyễn Thiện T 40.000.000 đồng, bà Lê Thị D 20.000.000 đồng, ông Nguyễn Tấn L 5.000.000 đồng, bà Nguyễn Ngọc T 15.000.000 đồng, ông Nguyễn Hồng L 22.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo đã khắc phục là 148.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đúng như bản tóm tắt vụ án nêu trên. Do bị cáo nợ tiền người khác không có tiền trả nên bị cáo nghĩ ra cách xin việc làm vào Công ty Yến Sào Khánh Hòa cho những người có nhu cầu, thực tế bị cáo không có khả năng xin việc làm và cũng không nộp hồ sơ xin việc làm cho họ, bị cáo đã lừa và chiếm đoạt của 15 người bị hại với tổng số tiền 1.821.708.000 đồng, sau này bị cáo đã khắc phục trả một ít tiền tổng cộng trả được 148.000.000 đồng cho một số người bị hại cụ thể, trả cho bà Nguyễn Thị D 5.000.000 đồng, bà Lê Thị Tr 11.000.000 đồng, ông Nông Lương S 25.000.000 đồng, ông Cao Minh T 5.000.000 đồng, ông Nguyễn Thiện T 40.000.000 đồng, bà Lê Thị D 20.000.000 đồng, ông Nguyễn Tấn L 5.000.000 đồng, bà Nguyễn Ngọc T 15.000.000 đồng, ông Nguyễn Hồng L 22.000.000 đồng; Tổng số tiền bị cáo đã khắc phục 148.000.000 đồng, bị cáo xin bồi thường hết số tiền đã chiếm đoạt còn lại cho những người bị hại.

Những người bị hại có mặt tại phiên tòa gồm các ông, bà: Nguyễn Thị D, Hoàng Văn Th, Nông Lương S, Cao Minh T, Lê Thị H (Đại diện cho bà Lê Thị D), Trần Thị N, Trần L, Nguyễn Đức M, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Q1 đều trình bày, do tin tưởng bị cáo Từ Vân T có khả năng xin việc làm cho con cháu trong gia đình họ, nên các bị hại đều đưa tiền và hồ sơ để bị cáo làm hồ sơ xin việc làm ở Công ty Yến Sào Khánh Hòa, và một số công việc giấy tờ khác, nhưng khi giao nhận tiền xong bị cáo không xin việc cho các cháu, đồng thời chiếm đoạt luôn hết số tiền trên. Nay những người bị hại yêu cầu Tòa án xét xử bị cáo theo pháp luật hình sự và trả lại toàn bộ số tiền trên cho những người bị hại Cụ thể:

- Bà Nguyễn Thị D yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 50.000.000 đồng. (do bị cáo đã trả trước được 5.000.000đ)

- Ông Hoàng Văn Th chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường 25.000.000 đồng.
- Ông Nông Lương S yêu cầu bị cáo bồi thường 20.000.000 đồng (do bị cáo trả trước 25.000.000 đồng).
- Anh Cao Minh T yêu cầu bị cáo bồi thường 55.000.000 đồng (do bị cáo đã trả trước 5.000.000đ);
- Bà Lê Thị H yêu bị cáo bồi thường 70.000.000 đồng, (do bị cáo đã trả trước 20.000.000 đ);
- Bà Trần Thị N yêu cầu bị cáo bồi thường 20.000.000 đồng;
- Ông Trần L yêu cầu bị cáo bồi thường 50.000.000 đồng;
- Ông Nguyễn Đức M yêu cầu bị cáo bồi thường 50.000.000 đồng;
- Ông Nguyễn Tấn L yêu cầu bị cáo bồi thường 28.000.000 đồng; (do bị cáo đã trả trước 5.000.000đồng);
- Chị Nguyễn Ngọc T yêu cầu bị cáo bồi thường 27.000.000 đồng; (do đã trả trước 15.000.000 đồng);
- Ông Nguyễn Q1 yêu cầu bị cáo bồi thường 1.119.708.000 đồng;

Những người bị hại vắng mặt gồm các ông, bà Lê Thị Tr, Nguyễn Hồng L, Nguyễn Thiện T, Nguyễn Q vắng mặt nhưng theo các biên bản lấy lời khai có trong hồ sơ thể hiện:

Theo biên bản lấy lời khai bà Lê Thị Tr tại bút lục số 110, 111 Bà Tr khai: Bị cáo T đã chiếm đoạt của bà số tiền 87.000.000 đồng và xác định bị cáo đã trả trước 11.000.000đ. Nay yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 76.000.000 đồng;

Tại biên bản lấy lời khai bút lục số 114,115, Ông Nguyễn Hồng L khai: Bị cáo T đã chiếm đoạt của ông 30.000.000đ và xác định bị cáo đã trả trước 22.000.000đồng. Nay ông yêu cầu bị cáo bồi thường 8.000.000 đồng;

Tại biên bản lấy lời khai bút lục số 152, 153 Anh Nguyễn Thiện T khai: Bị cáo đã chiếm đoạt của anh số tiền 60.000.000 đồng và xác định bị cáo đã trả trước 40.000.000đ. Nay anh yêu cầu bị cáo bồi thường 20.000.000 đồng;

Tại biên bản lấy lời khai bút lục số 180, 181, Ông Nguyễn Q xác định bị cáo chiếm đoạt của ông số tiền là 43.000.000 đồng, ông yêu cầu bị cáo bồi thường 43.000.000 đồng;

Tại bản Cáo trạng số 04/QĐ/KSĐT-P2 ngày 14/02/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã truy tố bị cáo Từ Văn T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội, tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a Khoản 4 Điều 139; điểm b, p Khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo Từ Văn T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, xử phạt bị cáo tù từ 12 năm đến 14 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: áp dụng các Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự 2015, buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại số tiền đã chiếm đoạt;

Bị cáo tự bào chữa:

Bị cáo đồng ý với nội dung bản cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa, truy tố bị cáo về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là đúng, bị cáo đồng ý bồi thường các khoản tiền đã chiếm đoạt của những người bị hại nêu trên cho bị hại và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Q1 trình bày:

Tôi thống nhất với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa, và kết luận của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa. Bị cáo T đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân trong thời gian dài, gây bức xúc cho quần chúng nhân dân ở địa phương nên đề nghị xử lý nghiêm, đồng thời buộc bị cáo bồi thường cho ông Nguyễn Q1 số tiền 1.119.708.000 đồng.

Bị cáo trình bày lời nói sau cùng:

Thưa Hội Đồng; bị cáo đã nhận ra lỗi của mình, bị cáo xin lỗi những người bị hại, chỉ mong Hội đồng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về thủ tục những người bị hại Nguyễn Hồng L, Nguyễn Thiện T (có đơn xin xử vắng mặt), Lê Thị Tr, Nguyễn Q đã được Tòa án triệu tập lần thứ 2 nhưng vắng mặt, xét thấy trong hồ sơ họ đã có lời khai yêu cầu bồi thường và sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến nội dung vụ án. Đối với người làm chứng vắng mặt, nhưng đã có lời khai trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo qui định tại Điều 191, 192 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Phân tích tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình

điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Phân tích những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội:

Bị cáo Từ Văn T là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo biết được mình không có khả năng xin việc làm cho người khác vào Công ty Yến Sào Khánh Hòa làm việc, cũng như không làm được việc chuyển bảo hiểm y tế, chuyển bảo hiểm xã hội cho chị Lê Thị Huỳnh N; chạy bằng cấp từ Cao đẳng lên Đại học cho chị Nguyễn Thị Thanh V và lo thủ tục vay hộ tiền ở hai ngân hàng, nhưng vì có động cơ muốn chiếm đoạt tài sản của người khác, bị cáo T đã nói dối là xin được việc làm ở Công ty Yến Sào Khánh Hòa, làm cho những người bị hại có tên trên tưởng thật đã đưa hồ sơ và tiền cho bị cáo, khi nhận được hồ sơ và tiền trong tay bị cáo không nộp hồ sơ cũng không giúp đưa được người nào vào làm việc tại Công ty Yến Sào Khánh Hòa, cũng như không làm được chuyển bảo hiểm y tế, chuyển bảo hiểm xã hội cho chị Lê Thị Huỳnh N; chạy bằng cấp từ Cao đẳng lên Đại học cho chị Nguyễn Thị Thanh V và lo thủ tục vay hộ tiền ở hai ngân hàng. Tổng cộng bị cáo đã chiếm đoạt của 15 người bị hại với số tổng số tiền là 1.821.708.000 đồng (một tỷ tám trăm hai mươi triệu bảy trăm lẻ tám nghìn đồng). Hành vi của bị cáo Từ Văn T có đủ các yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được qui định tại điểm a Khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến trật tự công cộng, an toàn công cộng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, gây hoang mang lo lắng đến đời sống cộng đồng dân cư, bản thân bị cáo có nghề nghiệp ổn định, nhưng không chịu lao động, muốn có tiền tiêu xài bị cáo đã lợi dụng lòng tin của những người bị hại để chiếm đoạt tài sản, đặc biệt bị cáo gây ra dư luận xấu đến lòng tin của người dân về việc xin việc làm, ảnh hưởng xấu đến các Doanh nghiệp trên địa bàn, ảnh hưởng xấu đến chủ trương đường lối của chính quyền địa phương. Hành vi của bị cáo cần phải xử lý mức án nghiêm khắc tương xứng với nhân thân, hành vi hậu quả mà bị cáo đã gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội thời gian dài để bị cáo thấy được sự nghiêm minh của pháp luật, nhằm đấu tranh răn đe phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo khai báo thành khẩn, đã khắc phục một phần hậu quả cho bị hại (148.000.000đ/1.821.708.000 đồng), số tiền bồi thường rất ít

so với số tiền bị cáo chiếm đoạt nên Hội đồng xét xử chỉ áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 46 BLHS cho bị cáo (không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS), nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nên giảm một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo yên tâm cải tạo tốt, sớm trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Xét về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo chấp nhận bồi thường cho các bị hại cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị D số tiền là 50.000.000 đồng; Bà Lê Thị Tr số tiền 76.000.000 đồng; Ông Nguyễn Hồng L số tiền 8.000.000 đồng; Ông Hoàng Văn Th số tiền 25.000.000 đồng; Ông Nông Lương S số tiền 20.000.000 đồng; Anh Cao Minh T số tiền 55.000.000 đồng; Anh Nguyễn Thiện T số tiền 20.000.000 đồng; Bà Lê Thị D số tiền 70.000.000 đồng; Ông Nguyễn Q số tiền 43.000.000 đồng; Bà Trần Thị N số tiền 20.000.000 đồng; Ông Trần L số tiền 50.000.000 đồng; Ông Nguyễn Đức M số tiền 50.000.000 đồng; Ông Nguyễn Tấn L số tiền 28.000.000 đồng; Chị Nguyễn Ngọc T số tiền 27.000.000 đồng; Ông Nguyễn Q1 số tiền 1.119.708.000 đồng;

(Tổng cộng bị cáo phải bồi thường tổng số tiền là 1.611.708.000đ)

Xét thấy sự tự nguyện của những người bị hại và bị cáo là hoàn toàn phù hợp với pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên công nhận.

Về án phí bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; dân sự sơ thẩm theo qui định; cụ thể:

- Án phí dân sự sơ thẩm của số tiền phải trả 1.611.708.000đ là 60.351.200đ (gồm mức 800.000.000 đ là 36.000.000đ + (811.708.000đ X 3%= 24.351.200đ) =60.351.200đ

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo **Từ Vân T** phạm tội **“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”**

Áp dụng điểm a Khoản 4 Điều 139; điểm p Khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự,

Xử phạt: Bị cáo **Từ Vân T** 13 (mười ba) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bắt tạm giam: 28/6/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào các Điều 584, Điều 589 bộ luật dân sự năm 2015.

Bị cáo **Từ Vân T** phải bồi thường cho các bị hại cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị D số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng);
- Bà Lê Thị Tr số tiền 76.000.000 đồng (bảy mươi sáu triệu đồng);
- Ông Nguyễn Hồng L số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng);
- Ông Hoàng Văn Th số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng);
- Ông Nông Lương S số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng);
- Anh Cao Minh T số tiền 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng);
- Anh Nguyễn Thiện T số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng);
- Bà Lê Thị D số tiền là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng);
- Ông Nguyễn Q số tiền 43.000.000 đồng (bốn mươi ba triệu đồng);
- Bà Trần Thị N số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng);
- Ông Trần L số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng);
- Ông Nguyễn Đức M số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng);
- Ông Nguyễn Tấn L số tiền 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng);
- Chị Nguyễn Ngọc Th số tiền 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng);
- Ông Nguyễn Q1 số tiền 1.119.708.000 đồng (một tỷ một trăm mười chín triệu bảy trăm lẻ tám nghìn đồng);

3. Về án phí:

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án:

Bị cáo Từ Văn T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm và 60.351.200 đồng (sáu mươi triệu ba trăm năm mươi một nghìn hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Quy định: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bị hại, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở UBND cấp xã nơi cư trú./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Toạ Phiên Tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại; LS Hùng;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Công an tỉnh Khánh Hòa (2 bản)
- Lưu THAHS, hồ sơ, văn phòng, án văn.

Trần Văn Đông